

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN VĂN HOÀN

**PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG SỰ NGHIỆP
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở TỈNH QUẢNG NINH
HIỆN NAY**

Ngành : Triết học

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 9229001

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội – 2025

Luận án được hoàn thành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**Người hướng dẫn khoa học : PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn
TS. Trần Việt Hà**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

*Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện,
Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Hà Nội*

Vào hồi ngày tháng , 2025

Có thể tìm luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của các quốc gia trên thế giới nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. Để bảo đảm cho sự phát triển của mỗi quốc gia đòi hỏi mọi nền kinh tế phải dựa trên ít nhất ba trụ cột cơ bản: áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong đó, vấn đề nguồn nhân lực (NNL) và phát triển nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng và đặc biệt quan tâm, quyết định đến sự phát triển của các quốc gia.

Ở nước ta, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta luôn quan tâm, chú trọng đến xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, nhất là trong tiến trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta khẳng định: “Lấy việc phát huy nguồn lực con người là nhân tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững”. Đến Đại hội XI, Đảng ta tiếp tục đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”. Đảng ta xác định đây là một trong ba khâu đột phá góp phần xây dựng và phát triển đất nước nhanh và bền vững. Tại Đại hội XIII, Đảng ta lại tiếp tục nhấn mạnh đến vấn đề phát triển nguồn nhân lực: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài”. Điều đó chứng tỏ, Đảng ta ngày càng nhận thức toàn diện và sâu sắc hơn trong việc đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng được những yêu cầu của thực tiễn trong nước và quốc tế đã đặt ra.

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Quảng Ninh được đánh giá là một trong những tỉnh có nhiều điều kiện, tiềm năng để phát triển

kinh tế. Với vị trí, địa lý thuận lợi là cửa ngõ kết nối các liên quốc gia, liên vùng, liên tỉnh. Quảng Ninh có nhiều tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, có tiềm năng thế mạnh để phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn: tài nguyên biển, nước khoáng, đa dạng sinh học phục vụ cho phát triển du lịch và du lịch sinh thái; tài nguyên khoáng sản, địa chất phục vụ cho phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế tạo năng lượng; tài nguyên rừng phục vụ cho công nghiệp khai thác, cung cấp lâm sản, cung cấp nguồn dược liệu quý; tài nguyên đất phục vụ cho ngành công nghiệp xây dựng và một số ngành khác như phát triển kinh tế biển, xây dựng hệ thống cảng biển đặc biệt là cảng nước sâu...; góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh những tiềm năng, thế mạnh của vùng cũng đặt ra cho tỉnh Quảng Ninh những yêu cầu nhất định trong quá trình phát triển các ngành công nghiệp. Phát triển kinh tế, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng cần phải thực hiện song song với việc bảo đảm sự cân bằng giữa khai thác tài nguyên thiên nhiên với bảo tồn cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ du lịch sinh thái, vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu. Do đó, đòi hỏi tỉnh Quảng Ninh cần xây dựng những chiến lược phát triển kinh tế tập trung vào khai thác phát triển các ngành công nghiệp xanh với hai mục tiêu là hạn chế phát thải khí CO₂, hoá chất độc hại, phát triển năng lượng mới thân thiện với môi trường, ứng dụng các nguồn năng lượng sạch vào sản xuất công nghiệp như: năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học... Và hướng đến phát triển nền kinh tế xanh là xu thế tất yếu trong phát triển nền kinh tế của quốc gia nhằm bảo vệ sự phát triển bền vững. Để làm được điều đó, tỉnh Quảng Ninh cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực có phẩm chất, kỹ năng, trình độ chuyên môn; đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm phục vụ phát triển các ngành công nghiệp đặc thù, thế mạnh của tỉnh đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước nói chung và của tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh, nghiên cứu sinh quyết định chọn: ***“Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng***

sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ ngành Triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) ở tỉnh Quảng Ninh, luận án đề xuất những quan điểm và một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh.
- Làm rõ một số vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh và những vấn đề đặt ra hiện nay.
- Nêu quan điểm và đề xuất một số giải pháp phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt nội dung*: Luận án đi vào nghiên cứu phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:
 - + Tập trung nghiên cứu số lượng, cơ cấu NNL
 - + Tập trung nghiên cứu chất lượng NNL ở cả ba phương diện: thể lực, tâm lực và trí lực.

- + Tập trung phát triển giáo dục, đào tạo NNL
- + Tập trung phát triển chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ NNL.
- *Về mặt không gian*: Luận án đi vào nghiên cứu NNL các ngành nghề, lĩnh vực ở tỉnh Quảng Ninh.
- *Về mặt thời gian*: Luận án nghiên cứu vấn đề phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh từ năm 2015 đến nay.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đồng thời, kế thừa, vận dụng lý thuyết khoa học liên ngành có liên quan đến đề tài luận án để luận giải, làm sáng tỏ mục đích, nhiệm vụ, nội dung của luận án.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án chú trọng kế thừa những kết quả của các nghiên cứu lý luận và thực tiễn có liên quan đến đề tài của các tác giả đi trước. Các báo cáo tổng kết, đề án phát triển NNL của tỉnh Quảng Ninh, báo cáo đề án phát triển NNL các ngành nghề, lĩnh vực trong tỉnh Quảng Ninh.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

Tác giả luận án sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử; đồng thời kết hợp sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp; khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa; lô-gic và lịch sử; quy nạp-diễn dịch.

Tác giả luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp nhằm tổng hợp những vấn đề từ các nguồn tài liệu có liên quan đến vấn đề phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phương pháp so sánh, đối chiếu làm nổi bật những nghiên cứu từ các công trình, nghiên cứu

của các tác giả đi trước, trên cơ sở đó rút ra những nhận xét, đánh giá có căn cứ khoa học.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án có một số đóng góp sau đây:

- *Thứ nhất*, luận án góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận về NNL, phát triển NNL, CNH, HĐH. Luận án tập trung làm rõ vai trò và những yếu tố tác động đến phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH.

- *Thứ hai*, luận án đi vào khái quát những đặc điểm tình hình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Ninh; chỉ ra những yếu tố đặc thù của tỉnh tác động đến phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ; tập trung phân tích, đánh giá thực trạng phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh; trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế; chỉ ra nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh giai đoạn hiện nay cần tập trung giải quyết.

- *Thứ ba*, luận án đưa ra một số quan điểm định hướng và đề xuất giải pháp phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

- Ở một mức độ nhất định, luận án góp phần làm sáng tỏ lý luận về NNL, phát triển NNL; vai trò và những yếu tố tác động đến phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy Triết học Mác- Lênin; bằng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử để nghiên cứu ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển NNL là điều kiện, tiền đề để tiến tới xây dựng và hoàn thiện vấn đề phát huy nhân tố con người xã hội chủ nghĩa (XHCHN) ở Việt Nam.

6.2. Về thực tiễn

- Luận án có đánh giá khách quan về vấn đề phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh và đề xuất một số quan điểm, giải pháp có tính khả thi nhằm phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển NNL ở Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng trong những giai đoạn tiếp theo.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án có kết cấu 4 chương 13 tiết như sau:

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ.

1.1. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề lý luận phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

1.1.1. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến lý luận về nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực

Luận án tiếp cận tổng quan 24 công trình nghiên cứu có liên quan đến lý luận về nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực, cụ thể:

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về nguồn nhân lực

Luận án tiếp cận tổng quan 12 công trình nghiên cứu bao gồm: sách, đề tài khoa học, bài báo, luận án

Thứ hai, những công trình nghiên cứu có liên quan đến lý luận về phát triển nguồn nhân lực.

Luận án tiếp cận tổng quan 12 công trình nghiên cứu có liên quan bao gồm: sách, bài báo, đề tài khoa học, luận án

1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Luận án tiếp cận tổng quan 15 công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài theo các tuyến vấn đề những công trình nghiên cứu có liên quan đến lý luận về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

1.2. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

1.2.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực

Luận án tiếp cận và tổng quan 17 công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực. Trong đó:

- Những công trình nghiên cứu có liên quan đến thực trạng nguồn nhân lực: có 6 công trình bao gồm sách, báo, đề tài khoa học, luận án
- Những công trình nghiên cứu có liên quan đến thực trạng phát triển nguồn nhân lực: có 9 công trình bao gồm sách, báo, đề tài khoa học, luận án

1.2.2. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Luận án đã tổng quan 8 công trình liên quan đến thực trạng nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá bao gồm sách, bài báo, đề tài khoa học

1.3. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Luận án tiếp cận tổng quan 14 công trình nghiên cứu bao gồm: sách, đề tài khoa học, bài báo, luận án theo các tuyến vấn đề như sau:

1.3.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực

Có 7 công trình bao gồm sách, báo, đề tài khoa học nghiên cứu liên quan đến giải pháp phát triển nguồn nhân lực

1.3.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Có 7 công trình bao gồm sách, báo, đề tài khoa học nghiên cứu liên quan đến phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá .

1.4. Những công trình nghiên cứu nước ngoài có liên quan

Luận án tiến hành tổng quan 05 công trình nghiên cứu nước ngoài bao gồm sách, báo, liên quan đến vấn đề nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

1.5. Nhận xét công trình nghiên cứu có liên quan và khái quát vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

1.5.1. Khái quát kết quả chủ yếu những công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án

Qua việc hệ thống các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, tác giả có một số khái quát như sau:

Thứ nhất, những vấn đề nghiên cứu có liên quan đến luận án về lý luận phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH

Liên quan đến vấn đề NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH có rất nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả đã tập trung làm rõ các vấn đề liên quan đến lý luận về NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH dưới những góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Trong đó, hầu hết các tác giả đều tập trung đưa ra và phân tích lý luận về NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH; chỉ ra vai trò của NNL, phát triển NNL đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước; tính tất yếu của phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đối với nước ta và đối với các địa phương trong cả nước.

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu về lý luận NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đều tập trung làm rõ cơ sở lý luận về NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH. Qua các công trình nghiên cứu về lý luận NNL và phát triển NNL, nghiên cứu sinh có thể kế thừa, tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước để triển khai cụ thể vấn đề nghiên cứu NNL trong luận án của mình. Đồng thời, có sự so sánh, đối chiếu thực tiễn phát triển NNL ở các địa phương để có thêm cái nhìn tổng quát về xu hướng phát triển NNL trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, hầu hết các công trình mới chỉ dừng lại ở mức nghiên cứu khái quát, chưa đi sâu phân tích cụ thể những yếu tố đặc thù đối với từng vùng, địa phương trong phát triển NNL. Đây là khoảng trống để nghiên cứu sinh có thể nghiên cứu, bổ sung vào khung lý thuyết về phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH nói chung và trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

Đối với các công trình nghiên cứu về lý luận NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đều tập trung làm rõ cơ sở lý luận về NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH. Nhiều tác giả đã đi sâu vào nghiên cứu và chỉ ra khái niệm, đặc điểm, chất lượng, cơ cấu NNL, phát triển NNL; vai trò của phát triển NNL đối với sự nghiệp phát triển đất nước, đặc biệt là trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH; các yếu tố tác động đến phát triển NNL. Mặc dù nghiên cứu ở các khía cạnh khác nhau về phát triển NNL nhưng các nhà khoa học đều nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển NNL đó là quá trình làm biến đổi về mặt số lượng, chất lượng và cơ cấu của NNL để đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn đặt ra đối với sự phát triển KT- XH. Quá trình phát triển NNL bao gồm cả sự tăng lên, phát triển về mặt thể lực, trí lực, tâm lực, khả năng nhận thức, ... của nguồn lực con người. Tuy nhiên, hầu hết các công trình mới chỉ dừng lại ở mức nghiên cứu khái quát, chưa đi sâu phân tích cụ thể những yếu tố đặc thù đối với từng vùng, địa phương trong phát triển NNL. Đây là khoảng trống để nghiên cứu sinh có thể nghiên cứu, bổ sung vào khung lý thuyết về phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH nói chung và trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

Thứ hai, những công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án về thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH

Qua các công trình nghiên cứu của các tác giả nghiên cứu về thực trạng NNL, phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH có thể thấy, các tác giả đều tập trung đi sâu phân tích thực trạng NNL; phát triển NNL trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên cơ sở đánh giá, phân tích những thành tựu, hạn chế; nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế; những bất cập của phát triển NNL so với yêu cầu thực tiễn đặt ra. Tuy nhiên, các công trình đều nghiên cứu, khảo sát ở những khía cạnh nhất định, chưa đi vào chuyên sâu nghiên cứu cụ thể vấn đề phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh, một số đề tài, bài viết còn thiếu các số liệu chứng minh, các số liệu còn chung chung, nhiều số liệu mới chưa được cập nhật kịp thời; một số vấn đề đặt ra còn mang

tính chung chung, chưa nêu được nổi bật vấn đề đòi hỏi của thực tiễn mâu thuẫn với thực trạng phát triển NNL nhằm giải quyết tối đa những vấn đề còn tồn tại.

Thứ ba, những công trình nghiên cứu có liên quan đến giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH

Những công trình nghiên cứu về giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL và phát triển NNL trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH có vai trò quan trọng đối với tác giả luận án trong việc nghiên cứu, đề xuất những quan điểm, giải pháp phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh. Các công trình nghiên cứu bài báo, luận án, tập trung đi vào phân tích khá cụ thể những quan điểm: quán triệt sâu sắc những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong phát triển NNL. Đồng thời, các công trình cũng đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL gắn với yêu cầu thực tiễn; trong đó, tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chính sách thu hút, sử dụng, đãi ngộ nhân tài; xây dựng kế hoạch và quy hoạch phát triển NNL; tăng cường quản lý NNL.

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu có liên quan đến giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đều tập trung đưa ra nhiều giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra. Tuy nhiên, các giải pháp còn chung chung, thiếu tính đồng bộ, chưa có giải pháp mang tính chiến lược phù hợp với tình hình phát triển, chưa căn cứ cụ thể vào tình hình phát triển của địa phương và chưa đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Đồng thời, cũng chưa có công trình nghiên cứu cụ thể về vấn đề phát triển NNL ở tỉnh Quảng Ninh gắn với những đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh.

1.5.2. Những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

Luận án tập trung nghiên cứu những nội dung sau:

Thứ nhất, luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề phát triển NNL trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH hiện nay. *Về mặt lý luận*, luận án tập trung nghiên cứu làm rõ những quan niệm cơ bản NNL, phát triển NNL; CNH, HĐH; những nhân tố tác động đến phát triển NNL; cơ cấu

NNL, vai trò của phát triển NNL đối với phát triển KT- XH. *Về mặt thực tiễn*, luận án đi sâu tìm hiểu đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa- xã hội; quá trình CNH, HĐH của tỉnh Quảng Ninh; từ đó, phân tích vai trò và những yếu tố tác động đến phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh.

Thứ hai, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích đánh giá các báo cáo của tỉnh. Luận án tiến hành đánh giá thực trạng vấn đề phát triển NNL của tỉnh qua việc phân tích những thành tựu, hạn chế; nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế. Trên cơ sở đó, luận án nêu ra những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh Quảng Ninh: NNL của tỉnh đang phát triển như thế nào? quá trình CNH, HĐH của tỉnh đặt ra những yêu cầu gì? Làm thế nào để phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh Quảng Ninh? Vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý như thế nào đối với vấn đề phát triển NNL của tỉnh?

Thứ ba, luận án đề ra những quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh Quảng Ninh. Đối với việc nêu ra những quan điểm, luận án tập trung đề ra những quan điểm dựa trên chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển NNL; những chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Ninh phát triển NNL. Đồng thời, luận án đề xuất 6 giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh Quảng Ninh. Các giải pháp được đưa ra phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH nhằm phát huy những lợi thế, thành tựu đã đạt được, khắc phục những hạn chế, giải quyết những vấn đề đặt ra góp phần nâng cao hiệu quả phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh Quảng Ninh.

Tiểu kết chương 1

Qua việc tìm hiểu, tổng kết những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề NNL, phát triển NNL và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH. Do đó, tác giả đã lựa chọn vấn đề nghiên cứu *“Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay”*.

Những kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án là tài liệu quan trọng trong việc triển khai các nhiệm vụ nêu trên của luận án. Thực hiện tốt mục đích và nhiệm vụ đặt ra có ý nghĩa to lớn đối với việc đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn về vấn đề phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh nói riêng; góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội đất nước, thực hiện thắng lợi quá trình CNH, HĐH; xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

2.1. Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực: Quan niệm và nội dung cơ bản

2.1.1. Nguồn nhân lực và cấu trúc nguồn nhân lực

2.1.1.1. Quan niệm cơ bản về nguồn nhân lực

Trên cơ sở những quan niệm về nguồn nhân lực, luận án đã đưa ra khái niệm về nguồn nhân lực (NNL) như sau: *nguồn nhân lực là nguồn lực con người bao gồm tất cả các yếu tố tâm lực, thể lực, trí lực của các cá nhân trong xã hội tham gia vào hoạt động sản xuất xã hội góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.*

Luận án đã đưa ra kết luận về phát triển NNL như sau: *phát triển nguồn nhân lực là sự biến đổi gia tăng về số lượng và chất lượng bao gồm các mặt tâm lực, thể lực, trí lực của các cá nhân trong xã hội tham gia vào hoạt động sản xuất xã hội tạo ra những biến đổi tiến bộ về cơ cấu nguồn nhân lực góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.*

2.1.1.2. Cấu trúc nguồn nhân lực

Đối với tiêu chí về số lượng, cơ cấu nguồn nhân lực

Đối với tiêu chí về chất lượng nguồn nhân lực: thể lực- trí lực- tâm lực

2.1.2. Phát triển nguồn nhân lực

2.1.2.1. Quan niệm về phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực là sự biến đổi gia tăng về số lượng và chất lượng bao gồm các mặt tâm lực, thể lực, trí lực của các cá nhân trong xã hội tham gia vào hoạt động sản xuất xã hội tạo ra những biến đổi tiến bộ về cơ cấu nguồn nhân lực góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

2.1.2.2. Chủ thể, nội dung và phương thức phát triển nguồn nhân lực

**Chủ thể phát triển nguồn nhân lực*

Trước hết, nói đến chủ thể của phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta chính là Đảng và Nhà nước ta.

Thứ hai, chủ thể đóng vị trí, vai trò quan trọng có tính chất quyết định đến phát triển NNL, sự chuyển biến NNL xuất phát từ chính bản thân NNL.

Thứ ba, đội ngũ sử dụng lao động trong các công ty, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức; đội ngũ cán bộ, giáo viên trong các nhà trường là một trong các chủ thể tham gia vào quá trình phát triển NNL.

Thứ tư, gia đình đóng vai trò quan trọng vào chủ thể phát triển NNL.

**Nội dung phát triển nguồn nhân lực*

Thứ nhất, tập trung phát triển về số lượng, cơ cấu NNL

Thứ hai, tập trung phát triển chất lượng NNL

+ Về thể lực

+ Về tâm lực

+ Về trí lực

Thứ ba, tập trung giáo dục, đào tạo và phát triển NNL

**Phương thức phát triển nguồn nhân lực*

Thứ nhất, thông qua giáo dục đào tạo

Thứ hai, thông qua cả cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng NNL.

Thứ ba, thực hiện tăng cường hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

Thứ tư, thông qua chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ NNL

2.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá- tính tất yếu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta

2.2.1. Quan niệm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay được hiểu là quá trình chuyển đổi căn bản và toàn diện từ các hoạt động kinh tế và kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng lao động phổ thông cũng như công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại để tạo ra năng suất lao động xã hội lớn.

2.2.2. Tính tất yếu, đặc điểm của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại

hoá ở nước ta

Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước công nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất - kỹ thuật nghèo nàn, lực lượng sản xuất chưa phát triển, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới hình thành.

CNH, HĐH đóng vai trò quan trọng giúp đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu; bảo đảm đưa nước ta đi lên CNXH văn minh, hiện đại.

Đặc điểm của quá trình CNH, HĐH ở nước ta trải qua 2 giai đoạn:

- + Giai đoạn trước đổi mới (trước năm 1986)
- + Giai đoạn sau đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

2.3. Vai trò và những yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

2.3.1. Vai trò của phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Thứ nhất, NNL là nguồn lực chính quyết định quá trình tăng trưởng và phát triển KT - XH nói chung và CNH, HĐH nói riêng.

Thứ hai, NNL là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta.

Thứ ba, NNL chất lượng cao là điều kiện để thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế đối với các nền kinh tế đang phát triển trên thế giới hiện nay.

2.3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh

2.3.2.1. Những tác động của điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý của tỉnh Quảng Ninh

2.3.2.2. Những tác động bởi tình hình phát triển KT- XH, khoa học- công nghệ ở tỉnh Quảng Ninh

2.3.2.3. Những tác động của chủ trương, đường lối, chính sách về phát triển nguồn nhân lực ở tỉnh Quảng Ninh

2.3.2.4. Tác động của sự phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ở tỉnh Quảng Ninh

Tiểu kết chương 2

Trong chương này, luận án tập trung chủ yếu nghiên cứu lý luận về NNL, phát triển NNL; CNH, HĐH và phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH. Trên cơ sở đó, làm rõ vai trò, yêu cầu và những yếu tố tác động đến phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và đối với tỉnh Quảng Ninh nói riêng.

Chương 3

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở TỈNH QUẢNG NINH- THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh

3.1.1. Thực trạng về số lượng, cơ cấu nguồn nhân lực

3.1.1.1. Những thành tựu

- Về quy mô NNL
- Về cơ cấu NNL

3.1.1.2. Những hạn chế

3.1.1.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

- Nguyên nhân của những thành tựu
- Nguyên nhân của những hạn chế

3.1.2. Thực trạng về chất lượng nguồn nhân lực

3.1.2.1. Những thành tựu

Về tâm lực NNL (phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống)

Về thể lực NNL

Về trí lực NNL

3.1.2.2. Những hạn chế

Về mặt tâm lực NNL (phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống)

Về mặt thể lực NNL

Về trí lực NNL

3.1.2.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

- Nguyên nhân của những thành tựu
- Nguyên nhân của những hạn chế

3.2. Thực trạng công tác phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh

3.2.1. Thực trạng về đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3.2.1.1. Những thành tựu

- Cơ chế, chính sách đào tạo nghề nghiệp và tạo việc làm cho lao động

Cơ chế, chính sách đối với giáo dục nghề nghiệp

Cơ chế, chính sách đối với đào tạo nghề ở nông thôn

Cơ chế, chính sách đối với tạo việc làm

Cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực trong khu vực công

Cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực cho khu vực tư nhân

Cơ chế, chính sách về đổi mới tổ chức để phát triển nguồn nhân lực

Cơ chế, chính sách về vị trí việc làm

3.2.1.2. Những hạn chế

3.2.1.3. Nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế

Nguyên nhân của những thành tựu

Nguyên nhân của những hạn chế

3.2.2. Thực trạng về sử dụng, thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3.2.2.1. Những thành tựu

Cơ chế, chính sách thu hút nhân tài

Cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số

Về công tác quản lý và sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh

3.2.2.2. Những hạn chế

3.2.2.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

Nguyên nhân của những thành tựu

Nguyên nhân của những hạn chế

3.3. Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay

3.3.1. Tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

3.3.2. Một số cơ chế, chính sách mâu thuẫn, chưa phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nguồn lực con người và vật chất bị hạn chế

3.3.3. Yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế- xã hội bền vững của tỉnh, bước chuyển phát triển kinh tế từ “nâu” sang “xanh” với các vấn đề nảy sinh: xã hội, môi trường, sự chênh lệch giữa các vùng, miền, tầng lớp dân cư

3.3.4. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đặt ra yêu cầu phải giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ mục tiêu xây dựng Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh, đồng thời là phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, tác giả luận án tập trung vào thực hiện làm rõ một số vấn đề sau: tập trung phân tích thực trạng NNL (cơ cấu, số lượng, quy mô, chất lượng NNL) và phát triển NNL (đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng, thu hút và đãi ngộ NNL) ở Tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế của NNL và phát triển NNL của tỉnh Quảng Ninh. Từ đó, chỉ rõ nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở Tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

Đây là cơ sở để tác giả đưa ra quan điểm và đề xuất những giải pháp phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới ở chương 4.

Chương 4

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở TỈNH QUẢNG NINH TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Một số quan điểm định hướng về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Quảng Ninh

4.1.1. Phát triển nguồn nhân lực phải được xem là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị trong toàn Tỉnh

4.1.2. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải gắn với thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Ninh

4.1.3. Phát triển nguồn nhân lực phải được xem là nội dung quan trọng hàng đầu, một trong ba khâu đột phá trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh Quảng Ninh

4.2. Những giải pháp cơ bản nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới

4.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao vai trò của chủ thể phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh

4.2.1.1. Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, Sở, Ban, Ngành và chính quyền trong toàn Tỉnh về tầm quan trọng của phát triển NNL

4.2.1.2. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Tỉnh Quảng Ninh hiện nay

4.2.1.3. Nâng cao nhận thức cho người lao động trong việc nâng cao phẩm chất năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thể lực

4.2.2. Nhóm giải pháp xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh

4.2.2.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, đổi mới cơ chế và các công cụ phát triển nguồn nhân lực đảm bảo nhân lực cho chuyển dịch kinh tế của Tỉnh từ “Nâu” sang “Xanh”

- Hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực theo hướng đột phá
- + Trong thu hút và tuyển dụng
- + Trong sử dụng nhân tài và nhân lực chất lượng cao
- + Về môi trường và điều kiện làm việc
- + Về đãi ngộ vật chất và tinh thần
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thu hút lao động tại chỗ, lao động di cư cho các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh

4.2.2.2. Hoàn thiện công tác quy hoạch và xây dựng tiêu chuẩn đối với giáo viên và đầu ra của các cơ sở đào tạo

4.2.2.3. Nâng cao hiệu quả và mở rộng liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài; tạo điều kiện để liên kết giữ 3 nhà (nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp) có hiệu quả

4.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh

4.2.3.1. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh

Thứ nhất, đối với công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng

Thứ hai, chú trọng đổi mới công tác tuyển dụng

4.2.3.2. Nâng cao chất lượng nhân lực cấp xã

4.2.3.3. Nâng cao chất lượng lao động nông thôn

4.2.3.4. Nâng cao chất lượng nhân lực chất lượng cao

Một là, tăng cường các phương thức nhằm nâng cao chất lượng nhân lực chất lượng cao

Hai là, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

4.2.3.5. Nâng cao chất lượng nhân lực cho các ngành trọng điểm

Đối với nhân lực cho các khu công nghiệp và các khu kinh tế

Đối với nhân lực cho các ngành kinh tế trọng điểm

Đối với nhân lực quản lý của các doanh nghiệp

4.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo, huy động các nguồn lực cho phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh

4.2.4.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

4.2.4.2. Hoàn thiện nâng cao chất lượng chương trình đào tạo

4.2.4.3. Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất

4.2.4.4. Mở rộng liên kết, hợp tác trong đào tạo

4.2.4.5. Tăng cường huy động các nguồn lực cho phát triển nguồn nhân lực

4.2.5. Nhóm giải pháp tăng cường mở rộng liên kết vùng, hợp tác quốc tế, liên kết nhà trường, doanh nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu, nâng cao năng lực số của tỉnh Quảng Ninh

4.2.5.1. Tăng cường mở rộng liên kết vùng và hợp tác quốc tế

4.2.5.2. Tăng cường liên kết đào tạo giữa nhà trường, doanh nghiệp, khu vực công, khu kinh tế

4.2.5.3. Chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, nâng cao năng lực số và chất lượng dân số

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển NNL ở Tỉnh Quảng Ninh đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH tác giả luận án bước đầu đề xuất một số quan điểm cơ bản và giải pháp cơ bản mang tính định hướng nhằm phát triển NNL đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh:

Thứ nhất, đưa ra hệ thống các quan điểm mang tính chiến lược, định hướng cho việc phát triển NNL ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

Thứ hai, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp cơ bản để phát triển NNL đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

Có thể nói, từ việc đề xuất những quan điểm định hướng và những nhóm giải pháp phát triển NNL đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới sẽ tạo ra NNL đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phát triển KT- XH tương xứng với những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Quảng Ninh.

KẾT LUẬN

Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực là vấn đề có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn đối với sự phát triển bền vững của nước ta nói chung và đối với Tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Nguồn nhân lực giữ vai trò quan trọng trong mối quan hệ với những nguồn lực khác trong sự nghiệp CNH, HĐH và phát triển KT-XH. Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của lịch sử. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn quan tâm đến phát triển con người, coi con người là mục tiêu, động lực của quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Do đó, vấn đề phát triển nguồn nhân lực được Đảng ta đặt ở vị trí trung tâm nhằm phát huy các tiềm năng, thế mạnh phát triển đất nước.

Trong thời kỳ đổi mới đất nước, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng ta là đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Đảng ta đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn phát triển của đất nước. Những thành tựu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước ta sau gần 40 năm đổi mới là minh chứng rõ nét cho những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng ta. Trong đó, phát triển NNL được coi là yếu tố trọng tâm, then chốt, là một trong ba đột phá chiến lược góp phần đưa đất nước ta phát triển nhanh và bền vững; tạo tiền đề cho đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Có thể nói, Phát triển NNL là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn hệ thống chính trị. Trong bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của đất nước trước hết cần phải dựa trên sự phát triển của NNL mà trọng yếu là NNL chất lượng cao. Để có thể phát triển NNL đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, Đảng và Nhà nước ta nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng cần nhanh chóng hoàn thiện cơ chế, chính sách, triệt để khắc phục những hạn chế của NNL; phát triển mạnh mẽ giáo dục và đào tạo; thường xuyên cập nhật, đổi mới chính sách quản lý, quy hoạch, sử

dụng NNL phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng miền; cần có chiến lược đặc biệt về nhân tài, thu hút nhân tài trong tất cả các ngành nghề, lĩnh vực, v.v... Với sự kỳ vọng lớn lao, sự nhận thức và hành động quyết liệt đúng đắn của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị trong phát triển NNL sẽ góp phần phát triển đất nước Việt Nam giàu mạnh, hùng cường, vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc; đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ NGHIÊN CỨU
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Văn Hoàn (2024), “Quan điểm triết học Mác về khắc phục sự tha hoá con người và ý nghĩa đối với phát triển con người Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 1/2024.
2. Nguyễn Văn Hoàn (2024), “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 2/2024.
3. Nguyễn Văn Hoàn (2025), “Phát triển nguồn nhân lực, đột phá chiến lược phát triển đất nước, *Tạp chí Lý luận chính trị*, tháng 5- 2025.